

Bản án số: 132/2023/DS-ST

Ngày: 26/7/2023

V/v: Tranh chấp Hợp đồng T dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Nghiệp Hồng.
- Bà Quách Thị Bích Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 446/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2023/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S; địa chỉ: đường P, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Quốc T, sinh năm: 1986; địa chỉ: đường B, Phường 16, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 29/GUQ-2019, ngày 15/01/2019) – Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hồ Đức T, sinh năm: 1977; địa chỉ thường trú: đường M, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ; chỗ ở: đường Đ, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Hòa H, sinh năm 1958 (vắng mặt);
- Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1962 (vắng mặt);
- Ông Nguyễn Công K, sinh năm 1970 (vắng mặt);

- 3.4. Bà Cao Thị Phương L, sinh năm 1971 (vắng mặt);
- 3.5 Bà Trần Thị Ánh T, sinh năm 1964 (vắng mặt);
- 3.6 Anh Nguyễn Việt H, sinh năm 1995 (vắng mặt);
- 3.7 Chị Nguyễn Phương N, sinh năm 1995 (vắng mặt);
- 3.8 Anh Nguyễn Công M, sinh năm 2002 (vắng mặt);
- 3.9 Chị Nguyễn Hoa L, sinh năm 2000 (vắng mặt);
- 3.10 Trẻ Nguyễn Lan C, sinh năm 2006;

Người đại diện hợp pháp của trẻ Nguyễn Lan C: Ông Nguyễn Anh T và bà Trần Thị Ánh T – Là cha mẹ của trẻ C (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Phố P, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

3.11 Trung tâm mạng lưới Mobifone miền Bắc – Chi nhánh Tổng công ty viễn thông Mobifone; địa chỉ: đường G, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1972, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách - (Có đơn xin vắng mặt).

3.12 Bà Nguyễn Thị M (sinh năm 1932, chết năm 2019 theo Trích lục khai tử số: 39/TLKT-BS ngày 15/6/2020 của Ủy ban nhân dân phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị M:

3.12.1 Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1953; địa chỉ: Yên Lạc, phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội - (vắng mặt);

3.12.2 Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1955; địa chỉ: Hàng Hòm, phường Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội - (vắng mặt);

3.12.3 Bà Nguyễn Thị Hòa H, sinh năm 1958 (đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) - (vắng mặt);

3.12.4 Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1962 (đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) - (vắng mặt);

3.12.5 Ông Nguyễn Công K, sinh năm 1970 (đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) - (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

3.12.6 Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1961; thường trú: Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội; chỗ ở: đường K, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh - (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 13/12/2010, ông Hồ Đức T có ký Hợp đồng T dụng số: 86/2010/HĐTDTL-CN ngày 13/12/2010; Hợp đồng T dụng sửa đổi, bổ sung số: 86A/2010/HĐTD-SĐBS ngày 13/01/2011; Hợp đồng T dụng sửa đổi bổ sung số:

86B/2010/HĐTD-SĐBS ngày 04/5/2011 và Giấy nhận nợ số: 01 ngày 13/12/2010 với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (viết tắt là “Ngân hàng”) để vay số tiền 2.500.000.000 đồng, để góp vốn kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 20,5%/năm được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo mức lãi suất cho vay ngắn hạn đang có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất trong hạn của khoản vay được Ngân hàng điều chỉnh tại thời điểm ngày 13/6/2011 là 23%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trả tiền lãi vào ngày 26 hàng tháng, trả nợ gốc khi giấy nhận nợ đến hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay của ông T, bà Nguyễn Thị M đã thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp số: 63/HĐTC-2011 lập tại Văn phòng công chứng Nguyễn Tú ngày 06/5/2011 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm.

Sau khi nhận được tiền vay, ông T đã trả được tiền nợ gốc là 1.595.950.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 172.499.999 đồng Th đến ngày 23/02/2012. Tuy nhiên, bắt đầu kỳ hạn từ ngày 26/02/2012 ông T tiếp tục chậm trễ thanh toán nợ lãi vay và đến nay vẫn không trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T vẫn không thực hiện các cam kết trả nợ của mình.

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại cổ phần S - yêu cầu Tòa án:*

Buộc ông Hồ Đức T phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ Th đến ngày 26/7/2023 là 4.517.726.198 đồng (Bốn tỷ năm trăm mười bảy triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn một trăm chín mươi tám đồng, bao gồm tiền nợ gốc là 904.050.000 đồng; nợ lãi quá hạn là 3.613.676.198 đồng). Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu ông Hồ Đức T tiếp tục chịu lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

Trong trường hợp ông Hồ Đức T không trả được nợ, Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội mang tên bà Nguyễn Thị M để thanh toán khoản nợ trên.

* Đối với bị đơn – ông Hồ Đức T: Xác nhận có ký hợp đồng T dụng nói trên với Ngân hàng. Hiện nay, ông T không có khả năng trả nợ. Ông T đề nghị phát mãi tài sản thế chấp là căn nhà số Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội để trả nợ. Ông Hồ Đức T có đơn xin vắng mặt tại các buổi tiếp cận, giao nộp, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải và tại các phiên tòa.

* Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến phản hồi.

- Trung tâm mạng lưới Mobifone miền Bắc – Chi nhánh Tổng công ty Viễn Thông Mobifone (viết tắt là “Trung tâm Mobifone”): không có ý kiến về tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa các bên. Trong trường hợp phát mãi căn nhà số Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Trung tâm Mobifone sẽ phối hợp với các bên liên quan tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng và thực hiện thu hồi tài sản, thiết bị đặt tại các địa chỉ nêu trên. Trung tâm Mobifone cũng yêu cầu được vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp về tiếp

cận, giao nộp, công khai các tài liệu, chứng cứ và hòa giải và tại các phiên xét xử của Tòa án.

- Ngày 26/5/2023 và ngày 01/6/2023, Tòa án nhận được Đơn yêu cầu của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị M gồm: bà Nguyễn Thị Hồng H, bà Nguyễn Thị Hồng H, bà Nguyễn Thị Hòa H, ông Nguyễn Anh T, ông Nguyễn Công K và ông Nguyễn Đình H, trình bày ý kiến chung như sau:

+ Do hợp đồng thế chấp tài sản chỉ đề cập đến quyền sử dụng đất mà không có tài sản trên đất nên yêu cầu Tòa án trong trường hợp phát mãi căn nhà thế chấp thì trả lại giá trị tài sản trên đất cho các cá nhân thừa kế hợp pháp của bà M.

+ Khi Ngân hàng thẩm định tài sản năm 2011 thì tài sản trên đất đã hình thành (từ năm 2007) do đó đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng thế chấp tài sản là vô hiệu.

+ Điều 3 của Hợp đồng tín dụng quy định lãi suất phải được điều chỉnh 06 tháng một lần theo lãi suất thị trường. Do đó yêu cầu Tòa án buộc Ngân hàng phải trả lại lãi suất theo điều 3 của Hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Trần Quốc T – trình bày: Ngân hàng giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Bị đơn – ông Hồ Đức T có đơn xin vắng mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do.

- Người đại diện hợp pháp của Trung tâm Mobifone: Có đơn xin vắng mặt.

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị M: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên Thẩm phán chưa đảm bảo thời hạn tổng đạt một số văn bản tố tụng và thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định.

Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn có ông Trần Quốc T là đại diện theo ủy quyền đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Điều 70, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị Tòa án nhân dân Quận 11 chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với ông Hồ Đức T, buộc ông T hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 4.517.726.198 đồng Th tới ngày xét xử sơ thẩm 26/7/2023 gồm: nợ gốc là 904.050.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.613.676.198 đồng, tiếp tục chịu phát sinh kể từ ngày 27/7/2023 cho đến trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng T dụng đã ký; trường hợp ông T không

thanh toán được nợ thì Ngân hàng có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để phát mãi tài sản thế chấp là căn nhà số Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội; chi phí xem xét thẩm định: nguyên đơn tự nguyện chịu. Án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn chịu án phí trên số tiền nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Ông Hồ Đức T có ký Hợp đồng T dụng số 86/2010/HĐTDTL-CN ngày 13/12/2010; Hợp đồng T dụng sửa đổi, bổ sung số: 86A/2010/HĐTD-SĐBS ngày 13/01/2011; Hợp đồng T dụng sửa đổi bổ sung số: 86B/2010/HĐTD-SĐBS ngày 04/5/2011 và Giấy nhận nợ số: 01 ngày 13/12/2010 với Ngân hàng. Căn cứ Hợp đồng T dụng số 86/2010/HĐTDTL-CN ngày 13/12/2010, thì mục đích ông T vay tiền là để góp vốn kinh doanh vào Công ty Cổ phần phụ tùng xe máy DNN. Đây là quan hệ tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận được quy định tại khoản 1, Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó tranh chấp giữa Ngân hàng và ông T là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Hợp đồng tín dụng số 86/2010/HĐTDTL-CN ngày 13/12/2010 được ký kết và thực hiện tại Ngân hàng - chi nhánh 3/2 có địa chỉ 1291C đường 3/2, Phường 16, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ quan hệ hợp đồng, nguyên đơn lựa chọn khởi kiện tại Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó vụ án dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn – ông Hồ Đức T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Trung tâm Mobifone có đơn xin vắng mặt. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S buộc ông Hồ Đức T trả cho Ngân hàng tổng số tiền Th đến ngày xét xử sơ thẩm 26/7/2023 là 4.517.726.198 đồng (bao gồm tiền nợ gốc 904.050.000 đồng và nợ lãi quá hạn 3.613.676.198 đồng).

2.1 Đối với tiền nợ gốc, tiền lãi quá hạn:

Ngân hàng và bị đơn ông Hồ Đức T có ký Hợp đồng tín dụng số 86/2010/HĐTDTL-CN ngày 13/12/2010. Nội dung: Ngân hàng cho ông T vay số

tiền 2.500.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất tại thời điểm vay là: 20,5%/năm được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo mức lãi suất cho vay ngắn hạn đang có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất trong hạn của khoản vay được Ngân hàng điều chỉnh tại thời điểm ngày 13/6/2011 là 23%/năm, lãi suất quá hạn: 34,5%/năm (bằng 150% lãi suất trong hạn). Ông T đã nhận số tiền vay 2.500.000.000 đồng vào ngày 13/12/2010 thể hiện qua Giấy nhận nợ số: 01 ngày 13/12/2010. Ngoài ra còn có thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ của các bên, chuyển nợ quá hạn, giải quyết tranh chấp Ngân hàng và ông T ký kết Hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức và nội dung nên là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã trả được tiền gốc là 1.595.950.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 723.888.887 đồng đến tháng 02/2012. Sau đó ông T không tiếp tục thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi quá hạn cho nguyên đơn nên vi phạm nghĩa thanh toán theo khoản 9.2 Điều 9 của hợp đồng tín dụng đã ký kết quy định về quyền và nghĩa vụ của bên B.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; hướng dẫn tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền tổng cộng là 4.517.726.198 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm bao gồm tiền nợ gốc 904.050.000 đồng và nợ lãi quá hạn 3.613.676.198 đồng là có căn cứ, nên chấp nhận.

[2.2] Về tài sản thế chấp:

Để đảm bảo khoản tiền vay của ông T, bà Nguyễn Thị M đã thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 10105215096 (hồ sơ gốc số 8907.2002.QĐUB do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 25/12/2002) mang tên bà Nguyễn Thị M. Việc thế chấp tài sản được ký kết theo Hợp đồng thế chấp số 63/HĐTC-2011 lập tại Văn phòng công chứng Nguyễn Tú; địa chỉ: Số 90A phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội ngày 06/5/2011 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 09/5/2011 tại Phòng tài nguyên môi trường thuộc Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Việc đăng ký giao dịch bảo đảm và thế chấp tài sản đã được các bên thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, trong trường hợp ông T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Hồ Đức T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26/7/2023 là 4.517.726.198 đồng (bao gồm tiền nợ gốc 904.050.000 đồng và nợ lãi quá hạn là 3.613.676.198 đồng).

Ông T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/7/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa ông T và Ngân hàng.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp: Nguyên đơn tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Đối với Đơn yêu cầu của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị M: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà M dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều không tham gia và cũng không có văn bản trình bày ý kiến hoặc yêu cầu của mình. Tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền đưa ra yêu cầu độc lập trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải”*. Ngày 26/5/2023, Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-DS. Trong cùng ngày 26/5/2023, Tòa án nhận được Đơn yêu cầu của ông Nguyễn Đình Huỳnh và đến ngày 01/6/2023, Tòa án nhận được Đơn yêu cầu của các ông, bà Nguyễn Thị Hồng Hải, Nguyễn Thị Hồng Hà, Nguyễn Thị Hòa Hảo, Nguyễn Anh Tuấn và Nguyễn Công Khanh. Yêu cầu của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị M được đưa ra sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời Tòa án đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận là 4.517.726.198 đồng nên bị đơn – ông Hồ Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.517.726 đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.953.120 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức T dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S về việc yêu cầu ông Hồ Đức T trả nợ.

2. Buộc ông Hồ Đức T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền còn nợ tính đến ngày 26/7/2023, cụ thể như sau:

2.1 Ông Hồ Đức T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 4.517.726.198 đồng (Bốn tỷ năm trăm mười bảy triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn một trăm chín mươi tám đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 904.050.000 đồng và tiền nợ lãi quá hạn là 3.613.676.198 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Hồ Đức T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.2 Trong trường hợp ông Hồ Đức T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 10105215096, hồ sơ gốc số 8907.2002.QĐUB do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 25/12/2002) mang tên bà Nguyễn Thị M.

Số tiền phát mãi tài sản sau khi đã trừ các chi phí liên quan đến việc phát mãi sẽ được thanh toán và chi trả theo quy định của pháp luật. Nếu sau khi trả hết nợ cho Ngân hàng mà số tiền phát mãi đối với tài sản thế chấp còn dư thì sẽ được trả lại cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị M. Nếu số tiền phát mãi tài sản không đủ để trả nợ thì ông Hồ Đức T phải tiếp tục trả cho Ngân hàng số tiền nợ còn lại.

Trong trường hợp ông T trả xong số nợ cho Ngân hàng mà không phải phát mãi tài sản đã thế chấp để trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có nghĩa vụ thực hiện xóa thế chấp và trả lại bản chính giấy chứng nhận chủ sở hữu đối với tài sản thế chấp cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị M.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.517.726 đồng (Một trăm mười hai triệu năm trăm mười bảy nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.953.120 đồng (Ba mươi hai triệu chín trăm năm mươi ba nghìn một trăm hai mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0009402 ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 50 phút, ngày 26 tháng 7 năm 2023.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Nghiệp Hồng;

2. Bà Quách Thị Bích Nga.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 446/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng T dụng” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần S; địa chỉ: số 2C đường Phó Đức Chính, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Quốc T, sinh năm: 1986; địa chỉ: 1291C đường 3/2, Phường 16, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 29/GUQ-2019, ngày 15/01/2019).

2. *Bị đơn*: Ông Hồ Đức T, sinh năm: 1977; địa chỉ thường trú: 20A Ngõ 6 đường Mậu Thân, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ; chỗ ở: 152/66 đường Đoàn Thị Điểm, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1 Bà Nguyễn Thị Hòa Hảo, sinh năm 1958;

3.2 Ông Nguyễn Anh Tuấn, sinh năm 1962;

3.3 Ông Nguyễn Công Khanh, sinh năm 1970;

3.4. Bà Cao Thị Phương Liên, sinh năm 1971;

3.5 Bà Trần Thị Ánh Tuyết, sinh năm 1964;

3.6 Anh Nguyễn Việt Hoàng, sinh năm 1995;

3.7 Chị Nguyễn Phương Nhi, sinh năm 1995;

3.8 Anh Nguyễn Công Minh, sinh năm 2002;

3.9 Chị Nguyễn Hoa Ly, sinh năm 2000;

3.10 Trẻ Nguyễn Lan Chi, sinh năm 2006;

Người đại diện hợp pháp của trẻ Nguyễn Lan Chi: Ông Nguyễn Anh Tuấn và bà Trần Thị Ánh Tuyết – Là cha mẹ của trẻ Lan Chi;

Cùng địa chỉ: 06 Phố Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

3.11 Trung tâm mạng lưới Mobifone miền Bắc – Chi nhánh Tổng công ty viễn T Mobifone; địa chỉ: 811A đường Giải phóng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc Trinh, sinh năm: 1972, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách.

3.12 Bà Nguyễn Thị M (sinh năm 1932, chết năm 2019 theo Trích lục khai tử số: 39/TLKT-BS ngày 15/6/2020 của Ủy ban nhân dân phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị M:

3.12.1 Bà Nguyễn Thị Hồng Hải, sinh năm 1953; địa chỉ: Số 4 ngõ 116 Yên Lạc, phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội;

3.12.2 Bà Nguyễn Thị Hồng Hà, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 50 Hàng Hòm, phường Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội;

3.12.3 Bà Nguyễn Thị Hòa Hảo, sinh năm 1958 (đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan);

3.12.4 Ông Nguyễn Anh Tuấn, sinh năm 1962 (đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan);

3.12.5 Ông Nguyễn Công Khanh, sinh năm 1970 (đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan);

Cùng địa chỉ: Số 6, Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

3.12.6 Ông Nguyễn Đình Huỳnh, sinh năm 1961; thường trú: Số 6 Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội; chỗ ở: 600/12/5 đường Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S về việc yêu cầu ông Hồ Đức T trả nợ.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

2. Buộc ông Hồ Đức T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền còn nợ Th đến ngày 26/7/2023, cụ thể như sau:

2.1 Ông Hồ Đức T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 4.517.726.198 đồng (Bốn tỷ năm trăm mười bảy triệu bảy trăm hai mươi

sáu nghìn một trăm chín mươi tám đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 904.050.000 đồng và tiền nợ lãi quá hạn là 3.613.676.198 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Hồ Đức T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng T dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.2 Trong trường hợp ông Hồ Đức T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 06 Phố Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 10105215096, hồ sơ gốc số 8907.2002.QĐUB do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 25/12/2002) mang tên bà Nguyễn Thị M.

Số tiền phát mãi tài sản sau khi đã trừ các chi phí liên quan đến việc phát mãi sẽ được thanh toán và chi trả theo quy định của pháp luật. Nếu sau khi trả hết nợ cho Ngân hàng mà số tiền phát mãi đối với tài sản thế chấp còn dư thì sẽ được trả lại cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị M. Nếu số tiền phát mãi tài sản không đủ để trả nợ thì ông Hồ Đức T phải tiếp tục trả cho Ngân hàng số tiền nợ còn lại.

Trong trường hợp ông T trả xong số nợ cho Ngân hàng mà không phải phát mãi tài sản đã thế chấp để trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có nghĩa vụ thực hiện xóa thế chấp và trả lại bản chính giấy chứng nhận chủ sở hữu đối với tài sản thế chấp cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị M.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.517.726 đồng (Một trăm mười hai triệu năm trăm mười bảy nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.953.120 đồng (Ba mươi hai triệu chín trăm năm mươi ba nghìn một trăm hai mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0009402 ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

5. Về quyền kháng cáo:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 10 phút, ngày 26 tháng 7 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phúc

Nơi nhận:

- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phúc